TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 01 – 3 – 2024
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**

2. Ông **Mai Quốc Bảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Bé** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 403/2023/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H1, sinh năm 1983. Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thu H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh H1 tự nguyện sống chung từ năm 2006, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 06/9/2007. Chị và anh H1 đã ly thân từ tháng 02/2018 đến nay do sống chung không hợp nhau. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có hai người con chung là Huỳnh Nguyễn H2, sinh ngày 08/4/2007 và Huỳnh Gia H3, sinh ngày 04/6/2016, hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Huỳnh Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho chị H được ly hôn với anh H1.

+ Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn H2, sinh ngày 08/4/2007 và Huỳnh Gia H3, sinh ngày 04/6/2016 cho chị H tiếp tục trông nom, chăm sóc và giáo dục. Anh H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản.

+ Về cấp dưỡng nuôi con và tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H1, anh H1 đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị H và anh H1 là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị H và anh H1 tự nguyện sống chung từ năm 2006 và có đăng ký kết hôn đúng theo quy định nên hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp, tuy nhiên chị H và anh H1 đã ly thân từ tháng 02 năm 2018 đến nay. Xét thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau nhưng chị H và anh H1 không sống chung với nhau

mà hai bên không có hành động gì để hàn gắn hôn nhân. Mặt khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh H1 không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị H, như vậy anh H1 đã bỏ mặc quan hệ hôn nhân này. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị H và anh H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn với anh H1.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do chị H cung cấp và lời khai của chị H thì chị H và anh H1 có hai người con chung là Huỳnh Nguyễn H2, sinh ngày 08/4/2007 và Huỳnh Gia H3, sinh ngày 04/6/2016, hiện đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung. Anh H1 đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị H nhưng anh H1 không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu của chị H. Xét thấy, cháu H2 và cháu H3 sống cùng với chị H từ khi ly thân đến nay, hiện các cháu phát triển tốt, chị H có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 25/12/2023 cháu H2 và cháu H3 có nguyện vọng sống cùng với chị H. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu H2 và cháu H3, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao cháu Huỳnh Nguyễn H2, sinh ngày 08/4/2007 và Huỳnh Gia H3, sinh ngày 04/6/2016 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Anh H1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 19, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thu H ly hôn anh Huỳnh Văn H1.

2. Về con chung: Giao cháu Huỳnh Nguyễn H2, sinh ngày 08/4/2007 và cháu Huỳnh Gia H3, sinh ngày 04/6/2019 cho chị Nguyễn Thu H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Huỳnh Văn H1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006474 ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí. Anh Huỳnh Văn H1 không phải chịu án phí.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly